

Số: 01/2018/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 13 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
**Quy định việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công
trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015;*

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản
Việt Nam;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm
nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực
lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức
chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức
xã hội - nghề nghiệp;*

*Xét Tờ trình số 145/TTr-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy
định việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;
Báo cáo thẩm tra số 28/BC-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Ban Kinh tế -
Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Ngoài các quy định tại Nghị quyết này, việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định riêng của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Cơ quan nhà nước (gọi tắt là cơ quan);
- b) Đơn vị sự nghiệp công lập (gọi tắt là đơn vị);
- c) Văn phòng cấp ủy các huyện, thành phố, thị xã;
- d) Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (gọi tắt là tổ chức).

3. Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị gồm:

- a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;
- b) Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;
- c) Xe ô tô và phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị;
- d) Quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu;
- đ) Tài sản khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công tại cơ quan nhà nước:

- a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:
 - Quyết định danh mục tài sản mua sắm tập trung của tỉnh;
 - Quyết định mua sắm tài sản là trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp;
 - Quyết định mua sắm tài sản là xe ô tô;
 - Quyết định mua sắm đối với các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên tính trên một đơn vị tài sản hoặc quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ đối với nội dung, danh mục dự toán mua sắm có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên.
- b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh:
 - Quyết định mua sắm đối với các tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản hoặc quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ đối với nội dung, danh mục dự toán mua sắm có giá trị dưới 500 triệu đồng

trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao cho cơ quan mình quản lý (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này);

- Quyết định mua sắm đối với các tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản hoặc quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ đối với nội dung, danh mục dự toán mua sắm có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho các Chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc nguồn kinh phí được phép sử dụng (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

c) Thủ trưởng Chi cục trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh:

Quyết định mua sắm đối với các tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản hoặc quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ đối với nội dung, danh mục dự toán mua sắm có giá trị dưới 100 triệu đồng trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao cho cơ quan và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã (Ủy ban nhân dân cấp huyện):

Quyết định mua sắm đối với các tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản hoặc quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ đối với nội dung, danh mục dự toán mua sắm có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng từ nguồn ngân sách cho phòng, ban và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

d) Thủ trưởng các phòng, ban cấp huyện:

Quyết định mua sắm đối với các tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản hoặc quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ đối với nội dung, danh mục dự toán mua sắm có giá trị dưới 100 triệu đồng trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (Ủy ban nhân dân cấp xã):

Quyết định mua sắm đối với các tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản hoặc quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ đối với nội dung, danh mục dự toán mua sắm có giá trị dưới 100 triệu đồng trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

2. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc, tài sản khác phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Quyết định việc thuê trụ sở làm việc của các sở, ban, ngành tỉnh; cơ sở hoạt động sự nghiệp của các đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh;
- Quyết định việc thuê tài sản khác đối với tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) từ 100 triệu đồng trở lên.

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh:

- Quyết định việc thuê tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 100 triệu đồng trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều này);
- Quyết định việc thuê tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) từ 10 triệu đồng đến dưới 100 triệu cho các Chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều này).

c) Thủ trưởng Chi cục trực thuộc các sở, ban ngành tỉnh:

Quyết định việc thuê tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 10 triệu đồng trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao cho cơ quan và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều này).

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Quyết định việc thuê trụ sở làm việc của phòng, ban, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý và Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Quyết định việc thuê tài sản khác đối với tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) từ 10 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng của phòng, ban và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý.

đ) Thủ trưởng các phòng, ban cấp huyện:

Quyết định việc thuê tài sản khác đối với tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 10 triệu đồng.

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

Quyết định việc thuê tài sản khác đối với tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 10 triệu đồng.

3. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

Quyết định thu hồi tài sản công của các sở, ban, ngành tỉnh theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản công hoặc cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định thu hồi tài sản công của các phòng, ban cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản công hoặc cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác.

4. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển:

- Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- Xe ô tô;
- Các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản;
- Tài sản công giữa các sở, ban, ngành tỉnh; giữa các sở, ban ngành tỉnh với các phòng, ban cấp huyện.

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh:

Quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, đơn vị trực thuộc (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều này).

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định điều chuyển tài sản công giữa các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý; giữa các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý với Ủy ban nhân dân cấp xã; giữa Ủy ban nhân dân cấp xã (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều này).

5. Thẩm quyền quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công là trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- Quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công là xe ô tô;
- Quyết định bán thanh lý, tiêu hủy tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản.

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh:

- Quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công của cơ quan, đơn vị mình quản lý đối với các tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 5 Điều này);

- Quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công cho các Chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đối với các tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 50 triệu đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 5 Điều này); riêng việc thanh lý tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Nghị quyết này.

c) Thủ trưởng Chi cục trực thuộc các sở, ban ngành tỉnh:

Quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công của cơ quan và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đối với các tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 50 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 5 Điều này).

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công của các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý đối với các tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 5 Điều này).

đ) Thủ trưởng các phòng, ban cấp huyện:

Quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 50 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 5 Điều này).

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

Quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 50 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 5 Điều này).

6. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại là trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp;

- Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại là xe ô tô;

- Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại là các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản.

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh:

- Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tài sản công của cơ quan mình quản lý đối với các tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 6 Điều này);

- Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tài sản công cho các Chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đối với các tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 50 triệu đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 6 Điều này).

c) Thủ trưởng Chi cục trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh:

Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tài sản công của cơ quan và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đối với các tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 50 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 6 Điều này).

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện quản lý đối với các tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 6 Điều này).

đ) Thủ trưởng các phòng, ban cấp huyện:

Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 50 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 6 Điều này).

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 50 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 6 Điều này).

Điều 3. Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công:

a) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị;

b) Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết

định mua sắm tài sản (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này) thực hiện như sau:

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh quyết định mua sắm cho đơn vị và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đối với các tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản hoặc quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ đối với nội dung, danh mục dự toán mua sắm có giá trị dưới 500 triệu đồng từ nguồn kinh phí được phép sử dụng;

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh quyết định mua sắm đối với các tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản hoặc quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ đối với nội dung, danh mục dự toán mua sắm có giá dưới 100 triệu đồng từ nguồn kinh phí được phép sử dụng;

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm đối với các tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản hoặc quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ đối với nội dung, danh mục dự toán mua sắm có giá trị dưới 100 triệu đồng từ nguồn kinh phí được phép sử dụng.

2. Thẩm quyền quyết định thuê cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập:

- a) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thuê tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị;

- b) Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản thực hiện như sau:

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh quyết định việc thuê tài sản không phải là cơ sở hoạt động sự nghiệp đối với tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 100 triệu đồng từ nguồn kinh phí được phép sử dụng;

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh quyết định việc thuê tài sản không phải là cơ sở hoạt động sự nghiệp đối với tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 10 triệu đồng từ nguồn kinh phí được phép sử dụng;

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thuê tài sản không phải là cơ sở hoạt động sự nghiệp đối

với tài sản có giá thuê tính cho cả thời gian thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 10 triệu đồng từ nguồn kinh phí được phép sử dụng.

3. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công:

a) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản được hình thành từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô);

b) Trường hợp tài sản hình thành có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định bán tài sản công (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 5 Điều 2 của Nghị quyết này) thực hiện như sau:

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh quyết định việc bán tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản;

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh quyết định việc bán tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 50 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản;

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc bán tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 50 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

4. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 5 Điều 2 của Nghị quyết này):

Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập (cấp tỉnh; trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh; trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định thanh lý tài sản công của đơn vị mình đối với các tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

5. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 5 Điều 2 của Nghị quyết này):

a) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh quyết định việc tiêu hủy tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản;

b) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh quyết định việc tiêu hủy tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 50 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản;

c) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc tiêu hủy tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 50 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

6. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 6 Điều 2 của Nghị quyết này):

a) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản;

b) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 50 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản;

c) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 50 triệu đồng tính trên một đơn vị tài sản.

7. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công, điều chuyển tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập:

Thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 2 của Nghị quyết này.

Điều 4. Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị - xã hội

1. Việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công đối với tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh được thực hiện như các sở, ban, ngành tỉnh; đối với tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện được thực hiện như các phòng, ban cấp huyện theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này.

2. Việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh được thực hiện như đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành tỉnh theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này.

Điều 5. Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công; quyết định thuê trụ sở làm việc; quyết định thu hồi; quyết định điều chuyển; quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy; quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tài sản công tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

Điều 6. Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động của Văn phòng cấp ủy các huyện, thành, thị

Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động của Văn phòng cấp ủy các huyện, thành, thị trong việc mua sắm, thuê,

thu hồi tài sản được thực hiện như các phòng, ban cấp huyện theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này.

Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án thuộc địa phương quản lý

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khóa IX, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018.

Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 236/2010/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang và Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa đổi điểm 2, khoản II, Điều 1 Nghị quyết số 236/2010/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang./.

Nơi nhận:

- UB. Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu của (UBTVQH);
- Các Bộ: Tài chính, Nội vụ;
- Thanh tra Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy;
- UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. 65

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Danh